

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Khuyển
2. Ông Nguyễn Văn Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/9/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1984, nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983, nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

Người làm chứng: Bà Phạm Thị S, nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2023, trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn - chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Th kết hôn lần đầu vào năm 2010 nhưng đã thuận tình ly hôn vào tháng 01/2016. Đến 16/9/2016, chị và anh Th tự nguyện đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình và chung sống tại thôn T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Quá trình vợ chồng chung sống từ khi kết hôn lại đến nay vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên đánh chửi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Khoảng 03 năm nay, chị đã thuê nhà ở riêng cùng 02 con còn anh Th ở cùng với mẹ anh Th. Vợ chồng

không còn quan tâm, quan hệ gì với nhau. Đề nghị tòa án cho chị được ly hôn anh Th.

Chị và anh Th có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 15/8/2011, cháu Nguyễn B, sinh ngày 11/9/2014. Từ mấy năm trở lại đây, mọi việc chăm lo cho con cái do chị lo liệu. Bản thân chị là lao động tự do có thu nhập hàng tháng trong khoảng 10 triệu đồng đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Khi ly hôn, chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Tr và cháu B, không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng. Do chị biết anh Th không đến tòa án để giải quyết việc ly hôn nên chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến của bị đơn – anh Nguyễn Văn Th: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo cho anh Th nhiều lần nhưng anh Th không đến tòa án làm việc và không có ý kiến gửi tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của con chung: Cháu Nguyễn B và Nguyễn Bảo Tr là con của anh Th, chị T đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn.

Ý kiến của người làm chứng: Bà Phạm Thị S có lời khai trình bày: Anh Th là con trai và chị T là con dâu của bà. Anh Th, chị T đã có lần ly hôn với nhau sau đó lại quay lại đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống từ trước đến nay, anh Th, chị T luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, chửi bới, đánh nhau. Bà cũng đã khuyên bảo hai vợ chồng nhưng anh Th, chị T không thay đổi. Trong 03 năm qua, anh Th, chị T sống ly thân. Nay chị T xin ly hôn, anh Th có quan điểm tùy chị T giải quyết đơn phương, con cái muốn ở với ai thì anh cũng nhất trí. Bà xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản xác minh của tòa án, chính quyền cơ sở tại địa phương thôn T, xã N cho biết: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Th, chị T sống ở thôn T, xã N. Khoảng 03 năm nay, anh Th, chị T mâu thuẫn cãi vã nhau nên đã sống ly thân. Vợ chồng anh Th, chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn B và cháu Nguyễn Bảo Tr hiện đang ở với chị T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có mặt khi tòa án triệu tập là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử:

cho ly hôn giữa chị T và anh Th, giao 02 con chung cho chị T nuôi dưỡng. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung. Chị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều vắng mặt trong đó, nguyên đơn, người làm chứng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị T: Qua ý kiến của nguyên đơn, người làm chứng và xác minh của tòa án tại chính quyền địa phương, HĐXX xác định anh Th, chị T là vợ chồng từ năm 2010 nhưng vì mâu thuẫn nên đã tự nguyện ly hôn vào năm 2016. Sau đó, ngay năm 2016, anh Th, chị T đã đăng ký kết hôn lại nhưng sau khi kết hôn tình cảm giữa anh Th và chị T không được cải thiện, vợ chồng vẫn tiếp tục phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân trong một thời gian dài. Chị T xin ly hôn, anh Th không có ý kiến và không đến tòa án để làm việc cho thấy bản thân anh Th, chị T đều không muốn níu kéo quan hệ hôn nhân, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. HĐXX xác định mâu thuẫn giữa anh Th, chị T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh Th theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Th, chị T có 02 con chung như chị T đã trình bày. Các con chung hiện đang ở cùng chị T và đều có nguyện vọng ở cùng mẹ trong trường hợp anh Th, chị T ly hôn. Xét thấy, chị T có đủ điều kiện để chăm lo cho con chung và việc chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện mặc dù đã được HĐXX giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con nên cần giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Tr và cháu B. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Anh Th, chị T không có yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản chung, công nợ chung khi ly hôn nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Chị T phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Th và chị Phạm Thị T.

2. *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn B, sinh ngày 15/8/2011 và cháu Nguyễn Bảo Tr sinh ngày 11/9/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T. Khi cần thiết, anh Th, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí*: Chị T phải nộp 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002317 ngày 13/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư. Chị T đã nộp đủ.

Chị T, anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư;
- UBND xã Ninh Vân;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị Kim Oanh